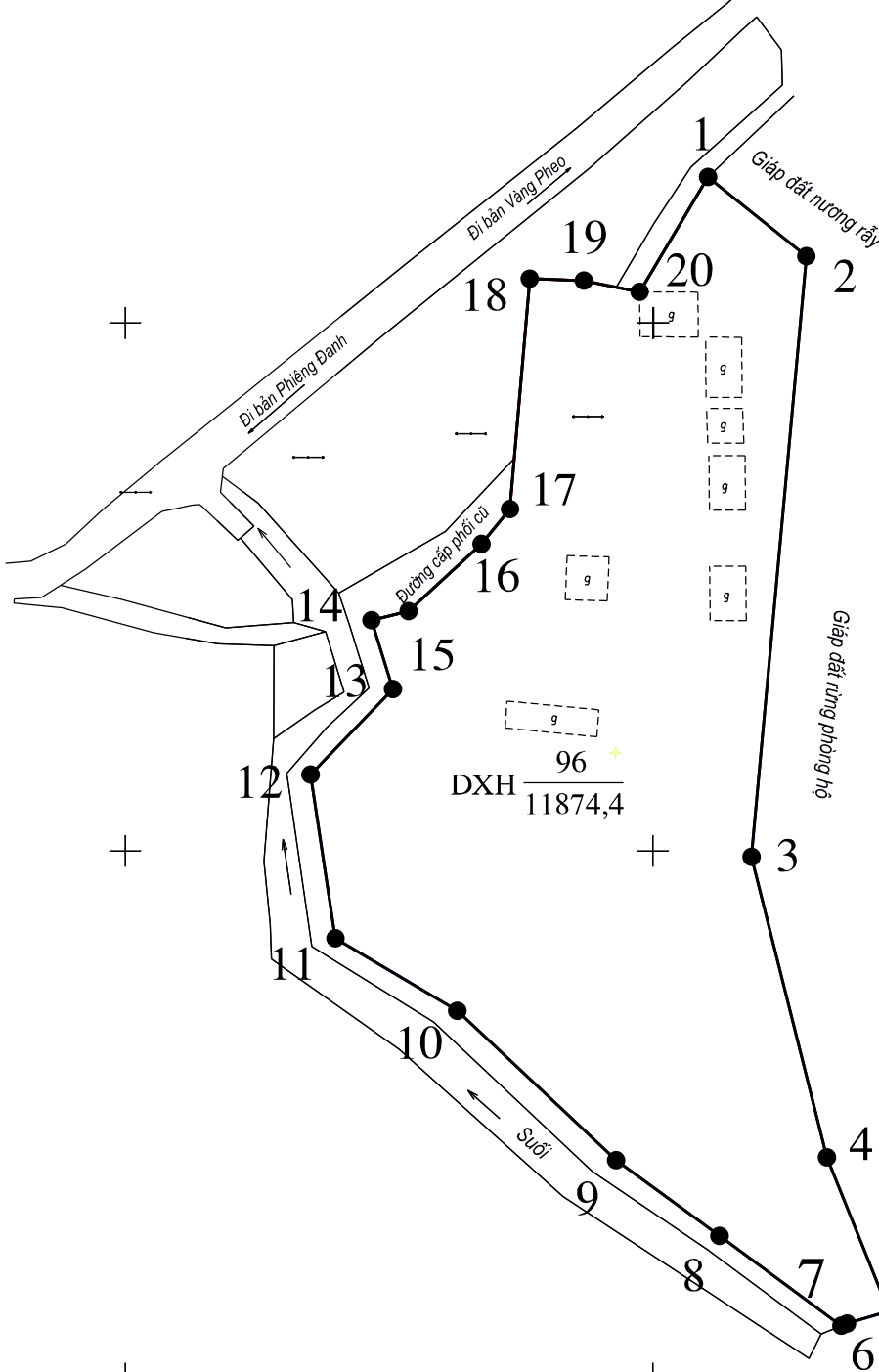


SƠ ĐỒ KHU ĐẤT

Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Phong Thổ/địa chỉ bản Nậm Cung



Thửa đất số: 96			
Tọa độ và chiều dài các cạnh thửa			
Điểm	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	2491727.65	535910.30	23.94
2	2491712.64	535928.95	114.23
3	2491598.88	535918.55	58.70
4	2491541.95	535932.84	31.43
5	2491512.78	535944.53	8.19
6	2491510.48	535936.67	1.18
7	2491510.04	535935.57	28.70
8	2491527.08	535912.48	24.26
9	2491541.39	535892.89	41.33
10	2491569.71	535862.79	26.88
11	2491583.43	535839.68	31.36
12	2491614.44	535834.98	22.50
13	2491630.65	535850.58	13.66
14	2491643.70	535846.54	7.22
15	2491645.42	535853.55	18.78
16	2491658.14	535867.36	8.53
17	2491664.75	535872.76	43.82
18	2491708.40	535876.53	10.25
19	2491708.02	535886.77	10.79
20	2491705.89	535897.35	25.32
1	2491727.65	535910.30	

CHÚ DẪN

Ranh giới thửa đất quản lý,
Cho thuê, đấu giá QSD đất

1

Mốc, tên mốc

CGT

Ranh giới thửa đất

Đường

Đường giao thông

$DXH \frac{96}{11874,4}$

Trích đo từ tờ bản đồ địa chính số 640 tỷ lệ 1:1000
Xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu

Loại đất

Số thửa
Diện tích